



PHƯƠNG ÁN

Khảo sát Quốc gia về Lao động trẻ em năm 2018

*(Kèm theo Quyết định số: 1512 /QĐ-LĐTBXH ngày 31 tháng 10 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU KHẢO SÁT

1. Mục đích

Khảo sát quốc gia về lao động trẻ em năm 2018 (sau đây viết tắt là Khảo sát LĐTE 2018) thu thập các thông tin nhằm xác định quy mô, phân bố và đặc điểm của trẻ em và người chưa thành niên tham gia hoạt động kinh tế và lao động trẻ em; nguyên nhân và hệ quả của lao động trẻ em để làm cơ sở phục vụ cho việc đánh giá và hoạch định chính sách, chương trình bảo vệ trẻ em tại Việt Nam.

2. Yêu cầu

Khảo sát LĐTE 2018 phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Tổ chức, thu thập thông tin và chuyển giao dữ liệu phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án này;
- Bảo mật thông tin cá nhân thu thập từ các đối tượng khảo sát theo quy định của Luật Thống kê;
- Việc quản lý và sử dụng kinh phí của Khảo sát LĐTE 2018 phải bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ VÀ PHẠM VI KHẢO SÁT

1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát bao gồm:

- Toàn bộ thành viên của hộ dân cư được chọn mẫu khảo sát;
- Người cung cấp thông tin chính là chủ hộ hoặc trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi nếu được sự cho phép của bố, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em.

2. Đơn vị khảo sát

Đơn vị khảo sát là hộ dân cư. Hộ bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu - chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai.

3. Phạm vi

Khảo sát LĐTE 2018 được thực hiện tại các địa bàn điều tra mẫu tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

III. NỘI DUNG KHẢO SÁT VÀ PHIẾU KHẢO SÁT

1. Nội dung khảo sát

Các thông tin thu thập từ cuộc điều tra bao gồm:

- Thông tin chung về hộ và thành viên của hộ dân cư có người từ 5 - 17 tuổi;
- Một số đặc trưng cơ bản của các thành viên của hộ từ 5 - 17 tuổi;
- Trình độ giáo dục của các thành viên của hộ từ 5 - 17 tuổi;
- Hoạt động kinh tế của các thành viên của hộ từ 5 - 17 tuổi;
- Môi trường lao động, điều kiện làm việc, tiền công, tiền lương, thu nhập của các thành viên của hộ từ 5 - 17 tuổi;
- Các vấn đề về sức khỏe và an toàn của người từ 5 - 17 tuổi;
- Nhiệm vụ ở nhà của người từ 5 - 17 tuổi;
- Các thông tin khác về hộ.

2. Phiếu khảo sát

Khảo sát LĐTE 2018 sử dụng một loại phiếu điều tra để thu thập các thông tin thuộc Nội dung khảo sát.

IV. THỜI ĐIỂM VÀ THỜI GIAN KHẢO SÁT

1. Thời điểm khảo sát

Thời điểm xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ là 0 giờ, ngày 01 hàng tháng; thời điểm để xác định tình trạng hoạt động kinh tế của người từ 5 đến 17 tuổi là 0 giờ ngày điều tra viên đến hộ.

2. Thời gian điều tra

Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn là từ 07 đến 09 ngày (kể cả thời gian di chuyển), bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

V. LOẠI KHẢO SÁT, PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN VÀ NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Loại khảo sát

Khảo sát LĐTE 2018 là điều tra chọn mẫu. Mẫu của Khảo sát LĐTE 2018 chính là mẫu của điều tra tháng 11 và tháng 12 của Điều tra lao động việc làm năm 2018 (sau đây viết gọn là Điều tra LĐVL 2018), thời điểm thực hiện Điều tra vào tháng 12 năm 2018. Tổng số địa bàn mẫu trong 02 tháng này của Điều tra LĐVL 2018 là 2.552 địa bàn, tổng số hộ khảo sát là 38.280 hộ (mỗi địa bàn điều tra 15 hộ). Các hộ được chọn mẫu trong Điều tra LĐVL 2018 sẽ được xác định xem có thành viên từ 5 đến 17 tuổi đang thực tế thường trú trong hộ không. Nếu có, các hộ này sẽ được thu thập thêm các thông tin về tình trạng làm việc của

người từ 5 đến 17 tuổi. Với cách điều tra như vậy, ước tính cỡ mẫu Khảo sát LĐTE 2018 là khoảng 29.476 hộ.

Cỡ mẫu trên đảm bảo tính đại diện cho toàn quốc, khu vực thành thị - nông thôn với độ tin cậy là 95%.

Phương pháp thiết kế mẫu trong Điều tra LĐVL 2018 và Danh sách địa bàn mẫu Điều tra LĐVL 2018 tháng 11 và tháng 12 phân bổ cho từng tỉnh, thành phố được trình bày trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Phương án này.

2. Phương pháp thu thập thông tin

Khảo sát LĐTE 2018 sử dụng phương pháp điều tra trực tiếp: điều tra viên thống kê (sau đây viết tắt là ĐTV) đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điều tra.

3. Người cung cấp thông tin

Chủ hộ (hoặc người am hiểu về các thành viên của hộ khi chủ hộ đi vắng) là người cung cấp thông tin về các thông tin cơ bản về hộ và các thông tin cơ bản về thành viên của hộ.

Người từ 5 đến 17 tuổi là người cung cấp thông tin về tình trạng hoạt động kinh tế của bản thân nếu được sự cho phép của bố, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật.

VI. CÁC DANH MỤC VÀ BẢNG PHÂN LOẠI THỐNG KÊ

Khảo sát LĐTE 2018 sử dụng các danh mục và bảng phân loại thống kê sau:

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ, được cập nhật đến thời điểm điều tra;

2. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

3. Danh mục giáo dục, đào tạo của Hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

4. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

5. Danh mục nghề nghiệp được ban hành theo Quyết định số 1019/QĐ-TCTK ngày 12/11/2008 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

6. Danh mục các tôn giáo được Nhà nước Việt Nam công nhận và cấp đăng ký hoạt động;

7. Bảng chuyển đổi năm âm lịch sang năm dương lịch;

8. Bảng chuyển đổi trình độ văn hoá phổ thông;

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ THÔNG TIN

Khảo sát LĐTE 2018 quy định quy trình xử lý thông tin và chuyển giao dữ liệu như sau:

- ĐTV hoàn thiện phiếu tại địa bàn điều tra và chuyển giao tổ trưởng kiểm tra và hoàn thiện phiếu;

- Phiếu khảo sát đã hoàn thiện sẽ được kiểm tra, nghiệm thu tại các Cục Thống kê và chuyển giao về Tổng cục Thống kê để thực hiện nhập tin và xử lý số liệu;

- Thông tin trên phiếu khảo sát được ghi mã tại Tổng cục Thống kê và nhập tin tại Tổng cục Thống kê và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Cơ sở dữ liệu sau nhập tin sẽ tiếp tục được kiểm tra, làm sạch và chuyển giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phân tích và viết báo cáo.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH KHẢO SÁT

Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Nguồn kinh phí
I. CHUẨN BỊ ĐIỀU TRA			
1. Thành lập Ban Chỉ đạo và Nhóm triển khai Khảo sát	Tháng 5-6/2018	Cục Trẻ em	
2. Thiết kế, lập dàn mẫu, chọn mẫu khảo sát	Tháng 7-8/2018	Tổng cục Thống kê	Dự án
3. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt phương án khảo sát	Tháng 8/2018	Bộ LĐTBXH, Tổng cục Thống kê	Ngân sách nhà nước
4. Xây dựng phiếu hỏi	Tháng 8-9/2018	Viện Khoa học lao động và xã hội; Tổng cục Thống kê	
5. Xây dựng các tài liệu hướng dẫn khảo sát			Dự án
- Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ	Tháng 8-9/2018	Tổng cục Thống kê	
- Tài liệu hướng dẫn xác định lao động trẻ em	Tháng 8-9/2018	Bộ LĐTBXH	
- Tài liệu hướng dẫn kỹ năng phỏng vấn trẻ em	Tháng 8-9/2018	Tổng cục Thống kê	
6. Hội thảo lấy ý kiến về phương án khảo sát và các công cụ khảo sát	Tháng 6-9/2018	Cục Trẻ em; Viện Khoa học lao động và xã hội; Tổng cục Thống kê	Ngân sách nhà nước
7. Thiết kế biểu mẫu và thuật toán tính chỉ tiêu	Tháng 6-9/2018	Viện Khoa học lao động và xã hội	Dự án
8. In và chuyển tài liệu khảo sát tới các tỉnh	Tháng 9/2018	Tổng cục Thống kê	Ngân sách nhà nước
II. TẬP HUẤN	Tháng 11/2018	Bộ LĐTBXH, Tổng cục Thống kê	Ngân sách nhà nước + Dự án

III. KHẢO SÁT THỰC ĐỊA				
1. Điều tra, khảo sát thu thập thông tin tại hộ		Tháng 12/2018	Tổng cục Thống kê	Dự án
2. Giám sát điều tra, khảo sát thực địa		Tháng 12/2018	Bộ LĐTBXH, Tổng cục Thống kê	Dự án
IV. XỬ LÝ KẾT QUẢ KHẢO SÁT			Tổng cục Thống kê	
1. Kiểm tra và nghiệm thu phiếu		Tháng 12/2018	Tổng cục Thống kê	Ngân sách nhà nước + Dự án
2. Mã hóa, nhập tin và làm sạch dữ liệu		Tháng 01/2019	Tổng cục Thống kê	Dự án
3. Xây dựng phần mềm nhập tin		Tháng 01 - 4/2019	Tổng cục Thống kê	Dự án
4. Viết báo cáo kết quả khảo sát trên cơ sở số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê		Tháng 4/2019	Viện Khoa học lao động và xã hội	Dự án
5. Hội thảo về báo cáo kết quả khảo sát		Tháng 5/2019	Cục Trẻ em, Viện Khoa học lao động và xã hội	Ngân sách nhà nước
V. CÔNG BỐ KẾT QUẢ KHẢO SÁT		Tháng 3-5/2019	Cục Trẻ em	Ngân sách nhà nước

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị

a) Tuyển chọn điều tra viên và tổ trưởng

Do Khảo sát LĐTE 2018 được thực hiện đồng thời với Điều tra LĐVL 2018 dựa trên sử dụng dần mẫu của ĐTLĐVL tháng 11 và 12 năm 2018, thực hiện vào tháng 12/2018 nên các điều tra viên và tổ trưởng tham gia Điều tra LĐVL tháng 12 năm 2018 sẽ được huy động để tham gia Khảo sát LĐTE 2018. Khảo sát LĐTE 2018 là cuộc điều tra chuyên sâu, do vậy, để bảo đảm yêu cầu chất lượng thông tin, yêu cầu điều tra viên và tổ trưởng phải tham gia đầy đủ các buổi tập huấn nghiệp vụ Khảo sát LĐTE 2018.

Đối với các địa bàn vùng cao, vùng sâu, vùng xa có người dân tộc thiểu số không nói được tiếng phổ thông, Cục Thống kê địa phương thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch để hỗ trợ công tác thu thập thông tin tại địa bàn.

b) Tập huấn nghiệp vụ điều tra

Tập huấn nghiệp vụ điều tra được thực hiện ở 2 cấp: Trung ương và tỉnh.

- Cấp Trung ương: thực hiện tập huấn nghiệp vụ điều tra cho các giảng viên chủ chốt cấp tỉnh và giám sát viên cấp Trung ương. Tổng cục Thống kê tổ chức tập huấn nghiệp vụ cấp Trung ương vào tháng 11 năm 2018. Thời gian tập huấn 02 ngày.

- Cấp tỉnh: Cục Thống kê tổ chức 01 lớp tập huấn cho điều tra viên, tổ trưởng và giám sát viên, trong đó, bố trí thời gian thực hành phỏng vấn, kiểm tra và phân loại học viên. Thời gian tập huấn vào 03 ngày trong tháng 11 năm 2018.

c) Tài liệu khảo sát

Tài liệu khảo sát bao gồm phiếu điều tra và các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ do Tổng cục Thống kê thiết kế, in và phân phối cho các Cục Thống kê.

2. Công tác khảo sát thực địa

Cục Thống kê chỉ đạo các Chi cục Thống kê cấp huyện tổ chức thực hiện Khảo sát LĐTE 2018 tại các địa bàn Điều tra LĐVL của tháng 11 và 12 năm 2018, bảo đảm việc thu thập thông tin được thực hiện theo đúng yêu cầu chất lượng và thời hạn quy định. Khi điều tra thu thập thông tin trên phiếu Điều tra lao động việc làm, ĐTV xác định xem hộ có người từ 5 đến 17 tuổi không. Nếu có, ĐTV thực hiện chép thông tin hộ từ phiếu Điều tra LĐVL sang phiếu Khảo sát LĐTE và thực hiện điều tra thu thập thông tin bổ sung về người từ 5-17 tuổi như đã quy định trong phiếu điều tra.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Các công việc kiểm tra, giám sát của Khảo sát LĐTE 2018 tập trung vào một số công việc: thực hiện tập huấn nghiệp vụ và đánh giá, phân loại học viên;

kiểm tra tình hình phỏng vấn tại các hộ mẫu đã được giao điều tra; thu thập thông tin tại hộ và kiểm tra, ghi mã phiếu điều tra. Công tác kiểm tra, giám sát được quy định chi tiết trong các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra.

4. Công tác chỉ đạo thực hiện

Ngoài những nhiệm vụ đã được nêu tại các tiêu mục trong mục IX như trên, các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện những nội dung sau đây:

a) Cục Trẻ em, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội: chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện toàn bộ Khảo sát LĐTE 2018, bao gồm: xây dựng phương án và kế hoạch điều tra, biên soạn các tài liệu hướng về lao động trẻ em và tổng hợp, công bố kết quả.

b) Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê: chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện thu thập thông tin tại địa bàn điều tra gồm: biên soạn các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra; in và phát hành các tài liệu điều tra; tổ chức tập huấn, tổ chức thu thập thông tin, kiểm tra, nghiệm thu và nhận phiếu điều tra; nhập tin và làm sạch dữ liệu; bàn giao dữ liệu cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

X. KINH PHÍ TỔNG ĐIỀU TRA

Kinh phí Khảo sát LĐTE 2018 từ hai nguồn: (1) Ngân sách nhà nước đã giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2018 và 2019 cho các hoạt động của dự án “Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực quốc gia phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em ở Việt Nam”; (2) Tổ chức Lao động quốc tế (ILO). Kinh phí phân bổ cho Khảo sát LĐTE do Tổng cục Thống kê thực hiện dựa trên các thỏa thuận hợp tác giữa Tổng cục Thống kê và Cục Trẻ em thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và giữa Tổng cục Thống kê và ILO.

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra quốc gia và các văn bản hiện hành.

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí của ILO được thực hiện theo quy định của nhà tài trợ./.

Phụ lục 1: PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ MẪU TRONG ĐIỀU TRA LAO ĐỘNG VIỆC LÀM 2018

I. THIẾT KẾ MẪU

1. Dàn chọn mẫu

Mẫu của cuộc Điều tra lao động và việc làm năm 2018 là mẫu hệ thống phân tầng hai cấp, đảm bảo mức độ đại diện của số liệu tổng hợp theo quý đối với cả nước, khu vực thành thị và nông thôn, 6 vùng kinh tế - xã hội, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và theo năm đối với 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạo thành một tầng chính với hai tầng thứ cấp là khu vực thành thị và khu vực nông thôn. Dàn chọn mẫu là các địa bàn Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

2. Xác định cỡ mẫu và phân bổ mẫu

Điều tra lao động việc làm là một cuộc điều tra chọn mẫu. Mẫu của điều tra là mẫu phân tầng 2 giai đoạn và được thiết kế như sau:

Giai đoạn 1 (chọn địa bàn): Mỗi tỉnh, thành phố tạo thành một tầng chính, mỗi tầng chính được chia ra 02 tầng thứ cấp là thành thị và nông thôn. Ở giai đoạn này, danh sách địa bàn điều tra của tỉnh, thành phố (dàn mẫu chủ - lấy từ mẫu 20% của Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ thời điểm 01/4/2014) được chia thành 02 dàn mẫu độc lập (thành thị và nông thôn) và chọn các địa bàn theo phương pháp xác suất tỷ lệ với quy mô địa bàn.

Giai đoạn 2 (chọn hộ): Mỗi địa bàn đã xác định ở Giai đoạn 1, sau khi được rà soát, cập nhật địa bàn, cập nhật bảng kê và phân chia danh sách hộ trong địa bàn điều tra mẫu thành 2 nhóm ứng với 2 phần nửa trên và nửa dưới của bảng kê. Sau đó, tại mỗi nhóm, chọn 15 hộ theo phương pháp chọn hệ thống.

Tổng thể mục tiêu (U) cho Điều tra lao động việc làm năm 2018 bao gồm những người từ 15 tuổi trở lên (dân số độ tuổi có khả năng lao động) và hiện đang sống tại Việt Nam. Đơn vị chọn mẫu là hộ dân cư; tất cả những đối tượng thuộc diện phỏng vấn trong các hộ được chọn sẽ tạo thành mẫu của cuộc điều tra.

Điều tra lao động và việc làm năm 2018 được tiến hành với quy mô 57.420 hộ/quý, tức là 19.140 hộ/tháng. Quy mô mẫu được phân bổ bảo đảm mức đại diện thống kê của số liệu tính theo quý cho cấp vùng và theo năm cho cấp tỉnh.

Các ước lượng cho cấp toàn quốc và các nhóm dân số được phân tổ theo vùng lấy mẫu (như giới tính, tình trạng hoạt động kinh tế...) và các ước lượng về sự khác biệt giữa các nhóm.

Nhằm tăng hiệu quả thiết kế và bảo đảm độ tin cậy của mẫu điều tra, mẫu được chọn luân phiên. Theo đó, mỗi địa bàn điều tra được chia thành 02 nhóm luân phiên, các hộ sẽ được đưa vào mẫu trong 2 quý liền kề, rồi bị loại ra khỏi mẫu trong 2 quý sau đó, rồi lại được đưa vào mẫu trong 2 quý liền kề tiếp theo. Mỗi địa bàn chỉ được chọn vào mẫu tối đa 4 lần trong một năm.

**Phụ lục 2: DANH SÁCH ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA
LAO ĐỘNG VIỆC LÀM 2018**

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố	Tổng số	Thành thị	Nông thôn
	<i>Toàn quốc</i>	3.828	1.674	2.154
01	Hà Nội	216	126	90
02	Hà Giang	57	18	39
04	Cao Bằng	57	24	33
06	Bắc Kạn	57	22	35
08	Tuyên Quang	54	15	39
10	Lào Cai	57	27	30
11	Điện Biên	54	21	33
12	Lai Châu	54	21	33
14	Sơn La	54	21	33
15	Yên Bái	57	24	33
17	Hoà Bình	57	21	36
19	Thái Nguyên	54	24	30
20	Lạng Sơn	54	21	33
22	Quảng Ninh	54	32	22
24	Bắc Giang	57	15	42
25	Phú Thọ	60	21	39
26	Vĩnh Phúc	54	21	33
27	Bắc Ninh	54	21	33
30	Hải Dương	54	24	30
31	Hải Phòng	54	33	21

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố	Tổng số	Thành thị	Nông thôn
33	Hưng Yên	57	15	42
34	Thái Bình	54	9	45
35	Hà Nam	54	15	39
36	Nam Định	54	24	30
37	Ninh Bình	54	19	35
38	Thanh Hoá	72	15	57
40	Nghệ An	72	24	48
42	Hà Tĩnh	54	18	36
44	Quảng Bình	54	15	39
45	Quảng Trị	54	24	30
46	Thừa Thiên Huế	54	30	24
48	Đà Nẵng	54	48	6
49	Quảng Nam	54	18	36
51	Quảng Ngãi	54	15	39
52	Bình Định	54	24	30
54	Phú Yên	54	21	33
56	Khánh Hoà	54	30	24
58	Ninh Thuận	54	30	24
60	Bình Thuận	54	30	24
62	Kon Tum	60	33	27
64	Gia Lai	66	30	36
66	Đắk Lắk	60	24	36
67	Đắk Nông	66	15	51
68	Lâm Đồng	60	36	24

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố	Tổng số	Thành thị	Nông thôn
70	Bình Phước	60	18	42
72	Tây Ninh	60	24	36
74	Bình Dương	60	27	33
75	Đồng Nai	60	30	30
77	Bà Rịa Vũng Tàu	60	30	30
79	Tp Hồ Chí Minh	180	150	30
80	Long An	54	18	36
82	Tiền Giang	54	18	36
83	Bến Tre	54	27	27
84	Trà Vinh	54	19	35
86	Vĩnh Long	54	15	39
87	Đồng Tháp	54	18	36
89	An Giang	54	24	30
91	Kiên Giang	54	24	30
92	Cần Thơ	54	36	18
93	Hậu Giang	54	22	32
94	Sóc Trăng	54	18	36
95	Bạc Liêu	54	24	30
96	Cà Mau	54	18	36